TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2021/HS-ST
Ngày: 13-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Xuân Vinh**

Bà **Trần Thị Ngọc Trân**

Bà **Lữ Kiều Dung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lương Quang Hùng** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 03 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (Trần B), sinh năm: 1981. Nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Buôn bán, trình độ văn hóa: 5/12, dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Đ, vợ: Tống Thị Tuyết P và 02 người con; tiền án: Ngày 12/7/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự; chấp hành án tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Kiên Giang; ngày 12/10/2017, chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích, tiền sự: Không, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo:

Luật sư **Trần Q. A** – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. Có mặt

- *Người bị hại:*

1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc V**, sinh năm: 1995. Có mặt

Nơi cư trú: Ấp T, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà **Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1981. Có mặt

3. Ông **Huỳnh T.Đ**, sinh năm 1981. Ông Đ ủy quyền cho vợ là Nguyễn Hồng N.

Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã ĐH, huyện AM, tỉnh Kiên Giang

3. Bà **Trương Kim B**, sinh năm: 1979. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

4. Bà **Phan Thị C**, sinh năm 1979. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp C, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Tống Thị Tuyết P**, sinh năm 1983. Có mặt

Nơi cư trú: Ấp L, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Nguyễn K.T**, sinh năm 1963. Có mặt

Nơi cư trú: 858 ấp H, xã M, huyện CT, tỉnh Kiên Giang

2. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1973. Có mặt

Nơi cư trú: A9-27 Khu T, phường VT, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

3. Ông **Nguyễn H.I**, sinh năm 1961. Vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp TH, xã ĐH, huyện AM, tỉnh Kiên Giang

4. Ông **Bùi Minh Q**, sinh năm 1989. Có mặt

Nơi cư trú: Ấp N, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang

5. Bà **Nguyễn S**, sinh năm 1953. Vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp C, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang

6. Bà **Lê Thị K**, sinh năm 1972. Vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang

7. Bà **Hồ T.A**, sinh năm 1968. Vắng mặt

Nơi cư trú: Số 2N, phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là người đã có vợ và 02 người con, đã có 01 tiền án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, T trở về địa phương sinh sống tại L, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang và tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của những người phụ nữ để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. T nói dối với những người mà T có ý định chiếm đoạt tài sản, T tên là Trần B, là Thạc sĩ, Kỹ sư, Giám đốc Công ty Cổ phần thủy sản 3K Đà Nẵng chuyên bán tôm giống. Đồng thời, T còn nói là học Thạc sĩ ở nước ngoài, gia đình T định cư ở nước ngoài và T chưa có vợ, con; T có nhà riêng ở khu vực 16ha thành phố Rạch Giá và có nhiều xe ô tô loại 04 chỗ và 07 chỗ. Mục đích T tự giới thiệu như vậy là để cho những người phụ nữ nhẹ dạ, tin tưởng; lúc đầu thì T lợi dụng tình cảm, hứa hẹn yêu thương, hứa hẹn tổ chức đám cưới hoặc nại lý do là chờ cha, mẹ ở nước ngoài về làm đám cưới, sau khi lấy được lòng tin thì T lên kế hoạch lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cách thức chiếm đoạt tài sản là T hỏi mượn tiền, hùn vốn mua nhà, hỗ trợ kinh doanh, giới thiệu mua nhà, đất ..., để chiếm đoạt tiền và tài sản của người bị hại, sau đó đem đi trả nợ vay trước đó và tiêu xài cá nhân hết. Cụ thể như sau:

Khoảng tháng 06/2018, T gặp và xin số điện thoại của chị Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1995, trú tại ấp T, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang rồi kết bạn trên mạng xã hội Zalo và nhắn tin nói chuyện yêu thương chị V và muốn cưới chị V làm vợ nên chị V tin là thật.

Vào khoảng tháng 12/2018, khi thấy chị V đã tin tưởng, T nói dối chị V là cần 01 số tiền để mua lô thuốc thủy sản của Công ty đem về bán lại nên T hỏi mượn chị V 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*, địa điểm giao nhận tiền là tại 01 quán cà phê trên địa bàn huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Sau đó, T dùng số tiền này vào việc chi xài cá nhân, không trả lại cho chị V

Đến tháng 03/2019, T tiếp tục nói dối chị V là cần tiền đi Campuchia để mua tôm giống nên hỏi mượn thêm chị V 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*, chị V có thắc mắc tại sao T chưa trả số tiền 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)* đã mượn trước đó mà lại mượn thêm 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* thì T nói dối chị V là mượn thêm, sau này trả 01 lần cho dễ nên chị V tin tưởng, tiếp tục giao cho T 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*. Sau khi lấy được tiền, T không đi mua tôm giống mà dùng để tiêu xài cá nhân hết

Đến tháng 08/2019, T biết được thông tin chị V có nhu cầu mua nhà để ở riêng nên T lên kế hoạch lừa đảo nhằm chiếm đoạt tiền mua nhà của chị V. T đi tìm nhà cần bán thì biết được chị Lê Thị K, sinh năm 1972 ở ấp B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang có nhà cần bán nên T điện thoại liên lạc với chị K hỏi mượn chìa khóa nhà để đưa chị V đến xem nhà. Sau khi xem nhà xong, chị V đồng ý mua nhà

theo giá T đưa ra là 830.000.000 đồng nhưng chị V không có đủ tiền nên T nói với chị V là có bao nhiêu tiền thì đưa cho T bấy nhiêu, phần tiền còn lại T hùn tiền vào để mua căn nhà này để sau khi T cưới chị V xong, 02 người về ở chung và cho chị V đứng tên trong giấy chủ quyền, còn nếu không cưới nhau thì người nào lấy nhà sẽ thối tiền lại cho người kia

Khoảng mấy ngày sau, T nói dối chị V là chủ nhà cần tiền đặt cọc và T đã đặt cọc trước cho chủ nhà với số tiền là 230.000.000 đồng nhưng thực tế T không đặt cọc tiền cho ai. T kêu chị V đến ngày 19/10/2019 sẽ đến nhà của người bán nhà ở thành phố Rạch Giá để trả thêm 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)*, nhưng chị V chỉ vay được số tiền 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)*, nên T nói sẽ bù thêm 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* cho đủ số tiền 400.000.000 đồng.

Ngày 19/10/2019, T thuê xe ô tô của anh Bùi Quốc M (T thường thuê xe dịch vụ của anh M và thường khoe anh M là tài xế của T) để đi rước chị V từ nhà lên thành phố RG để giao tiền

Do cần 01 người giả làm chủ nhà bán để lừa lấy tiền của chị V nên T đến gặp chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973, trú tại A9-27 khu T, phường VT, thành phố RG và nói dối chị L là T bán nhà ở dưới quê cho V nhưng giấy tờ nhà đất mang tên Trần Thị T là nữ mà V thì muốn gặp trực tiếp chủ nhà để giao tiền nhưng chủ nhà lại không có mặt ở thành phố Rạch Giá nên T năn nỉ chị L thay mặt chủ nhà nhận tiền giúp. Do nể nang và tin rằng nội dung sự việc T nói là thật nên chị L đồng ý và có đưa ra điều kiện với T là L chỉ nhận giùm không ký tên bất kỳ giấy tờ gì hết thì T nói mọi việc cứ để T lo, không ảnh hưởng gì đến chị L

Để cho chị V tin tưởng T là người có bỏ tiền ra mua nhà chung với chị V nên T chủ động chuẩn bị trước 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*. Khi chị V đi đến trước cửa nhà chị L thì T đi ra đón và đưa cho chị V 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*, lúc chị V đi vào nhà chị L thì T đưa cho chị V xem giấy biên nhận tiền mà T đã viết và tự ký sẵn từ trước. Xem xong giấy nhận tiền, chị V hỏi chị L câu nào thì T nhanh chóng trả lời thay chị L câu đó nên chị V tin tưởng để 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)* của chị V ở trên bàn rồi hỏi chị L có cần kiểm đếm không thì T nhanh chóng trả lời là tiền lấy ở ngân hàng ra không cần kiểm đếm, chị L có lấy chiếc bọc nylon màu đen ở dưới bàn đưa cho T để T bỏ tiền vào. Giao tiền xong, T kêu chị V đi về trước, còn T ở lại lấy số tiền 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)* rồi bỏ đi và đem số tiền này tiêu xài cá nhân hết, riêng chị L không được T trả cho khoản tiền công gì

Đến tháng 10/2019, T tiếp tục nói dối chị V là T đang cần tiền để làm thủ tục giấy tờ nhà đất và mua thuốc thủy sản của công ty nên T hỏi mượn chị V thêm 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*, chị V tin tưởng T nói thật nên giao thêm 40.000.000 đồng cho T

Đến ngày 09/01/2020, T mượn thêm chị V 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)*, lý do T mượn tiền là T nói dối chị V cần tiền để làm thủ tục sang tên giấy tờ nhà đất mà T và chị V đã hùn tiền mua từ trước và làm thủ tục để đáo hạn ngân hàng nên chị V tin tưởng và đồng ý cho T mượn tiền. Tổng cộng, T đã lừa dối chiếm đoạt được của chị V với tổng số tiền là 500.000.000 đồng, sau đó T cắt liên lạc với chị V và bỏ trốn nên chị V tố cáo sự việc đến Cơ quan điều tra.

Ngoài ra, T còn khai nhận, bằng thủ đoạn gian dối như trên, từ năm 2018 đến 2020, T còn lừa đảo chiếm đoạt tiền của 03 người phụ nữ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và tỉnh Cà Mau. Cụ thể:

Khoảng tháng 08/2018, chị Nguyễn Thị Ngọc V đưa T đến nhà chị ruột là Nguyễn Hồng N, sinh năm 1981, trú tại ấp T, xã ĐH, huyện AM, tỉnh Kiên Giang chơi. Sau nhiều lần đến chơi, T biết gia đình chị N đang có nhu cầu mua đất để làm ruộng và nuôi tôm nên T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị N. Qua tìm hiểu, T biết gia đình chị N thích mảnh đất của ông Nguyễn H.I ở gần nhà chị N nhưng ông I không bán nên T nói dối chị N là ông I muốn bán đất cho T với giá 70.000.000 đồng/công, ông I chỉ cần nhận tiền đặt cọc là 240.000.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi triệu đồng)* nên T kêu chị N đưa số tiền này cho T. Lúc này, chị N chỉ có 04 cây vàng (40 chỉ vàng), loại vàng 24K đưa cho T và nói không đủ tiền nên T thỏa thuận với chị N có bao nhiêu tài sản đưa cho T bấy nhiêu, số còn thiếu T sẽ lo bù cho chị N và T sẽ làm giấy tờ cho chị N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tin lời T nói là thật nên vào ngày 13/01/2020 chị N đưa cho T 04 cây vàng, loại vàng 24K, lấy được vàng xong, T đem đi bán và tiêu xài cá nhân hết, không đem tiền đi mua đất cho chị N

Vào khoảng đầu năm 2018, thông qua mạng xã hội Zalo, T lấy tên Trần B kết bạn và làm quen với chị Trương Kim B, sinh năm 1979, trú tại ấp T, xã B, huyện TB, tỉnh Cà Mau. T dùng thủ đoạn cũ, T nói lời yêu thương chị B, muốn cưới chị B làm vợ nên chị B tin tưởng dẫn T đi giới thiệu với bạn bè và họ hàng. Khi đã tạo được lòng tin, T nói với chị B là địa điểm nhà chị B có thể buôn bán được và đề nghị chị B mở Đại lý bán vật tư nông nghiệp, thủy sản, T sẽ hỗ trợ nguồn hàng và yêu cầu chị B đưa cho T 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)* để mua hàng. Tin lời T nên vào khoảng tháng 07/2018, chị B đưa cho T số tiền 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)* tại nhà chị B. Để cho chị B tin tưởng hơn nữa, T đặt 01 chiếc bảng hiệu cửa hàng, có số điện thoại di động của chị B và kêu chị B treo biển hiệu tại nhà chị B. Sau một thời gian, không thấy ai đem vật tư nông nghiệp, thủy sản đến, chị B có hỏi T thì T nói dối là Công ty hết hàng

Đầu năm 2019, T tiếp tục nói dối chị B là cần tiền để mở trại tôm giống hầm đất nên hỏi mượn chị B 43.000.000 đồng *(Bốn mươi ba triệu đồng)* và hứa 10 ngày sau, mẹ T ở nước ngoài về sẽ trả hết tiền cho chị B. Chị B nghi ngờ nên có hỏi T tại sao lại là con số 43 triệu mà không phải là con số khác thì T trả lời là làm ăn phải có duy tâm, 4+3=7 (bốn cộng ba bằng 7), "ba chìm, bảy nổi mới hên", tin lời T là

thật nên chị B tiếp tục đưa cho T 43.000.000 đồng *(Bốn mươi ba triệu đồng)*, T dùng số tiền này vào việc chi xài cá nhân hết. Tổng cộng, T đã 02 lần lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị B, với tổng số tiền là 83.000.000 đồng *(Tám mươi ba triệu đồng)*

Khoảng tháng 10/2019, T có đến quán cà phê của gia đình bà Nguyễn S ở ấp C, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang để uống nước, khi gặp bà S, T nói dối là mới đi Singapore điều trị bệnh 06 tháng mới về (thực tế là T đi chấp hành hình phạt tù). T biết bà S có người con gái tên Phan Thị C, sinh năm 1979 đang chung sống với gia đình bà S và hiện tại chưa kết hôn. T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của gia đình bà S nên T giới thiệu tên Trần B, là Thạc sĩ, Kỹ sư, Giám đốc Công ty Cổ phần thủy sản 3K Đà Nẵng chuyên bán tôm giống ...chưa có vợ con và ngỏ lời yêu thương, muốn kết hôn với chị C thì được chị C và gia đình đồng ý. T nói dối muốn tổ chức hôn lễ với chị C vào ngày 28/02/2020 (âm lịch), đồng thời đưa tên giả của cha, mẹ T cho gia đình chị C để đi in thiệp cưới trước. Qua tìm hiểu, T biết ông Phan Văn H là cha chị C vừa bán đất được số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* nên T nói dối ông H là cần tiền để đáo hạn ngân hàng số tiền 5.000.000.000 đồng *(Năm tỷ đồng)*, T đã lo gần đủ, chỉ còn thiếu 200.000.000 đồng nhưng ông H không cho T mượn. Ngày 09/3/2020, T tiếp tục nhờ bà S đi vay mượn ở nơi khác để cho T mượn lại, tin lời T nên bà S kêu chị C lấy số tiền tiết kiệm được của chị C là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* cho T mượn thì chị C đồng ý và đưa cho T số tiền 100.000.000 đồng. Chiếm đoạt được số tiền của chị C đưa, T tiêu xài cá nhân hết; khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 10/3/2020, T điện thoại cho chị C nói dối chị C rằng, T chạy xe đụng chết người đang bị Công an giữ nên T nhờ chị C đi mượn thêm 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* để lo cho gia đình nạn nhân nhưng chị C và gia đình không đồng ý (thực chất lúc này T đang làm việc với Cơ quan Công an huyện AB)

Đến ngày 10/3/2020, chị Nguyễn Thị Ngọc V làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo của T đến Cơ quan điều tra và đến ngày 11/3/2020, T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố RG đầu thú thừa nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình. Đến ngày 13/3/2020, Nguyễn Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố RG, khởi tố, ra lệnh tạm giam cho đến nay.

*** Vật chứng thu giữ**:

+ 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy C9 Pro, số Imei 357160/08/059306/5, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong.

+ 01 (một) điện thoại Nokia, model: RM-1133, số Imei 1: 354877086382408, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong

*** Tại bản Kết luận về định giá tài sản số** 13/KL-HĐĐG, ngày 17/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện AM, tỉnh Kiên Giang, kết luận tại thời điểm ngày 13/01/2020: 40 (bốn mươi) chỉ vàng 24 kara, trị giá là

173.320.000 đồng. Tổng giá trị tài sản cần định giá: 173.320.000 đồng *(Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng)*

Tại bản cáo trạng số: 46/CT-VKSTKG-P2 ngày 20/11/2020 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự

Ngày 13/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung để điều tra hành vi của bà Nguyễn Thị L có phải đồng phạm giúp sức trong vụ án hay không.

Ngày 29/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có văn bản trả lời về việc giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T và khẳng định bà Nguyễn Thị L không phải là đồng phạm trong vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo T và xác định vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T từ 13 đến 15 năm tù.**

*Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc V tổng số tiền 490.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng).*

- Bồi thường cho bị hại Nguyễn Hồng N số tiền 173.320.000 đồng *(Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).*

- Bồi thường cho bị hại Trương Kim B số tiền 83.000.000 đồng *(Tám mươi ba triệu đồng).*

- Bồi thường cho bị hại Phan Thị C số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng).*

*Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước hai chiếc điện thoại di động đã thu giữ của bị cáo T theo Quyết định chuyển giao vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm:

Luật sư đồng ý cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo T. Tuy

nhiên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ra đầu thú và đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo mức án thấp nhất mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là 13 năm tù.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và yêu cầu xử bị cáo mức án nặng.

Bị hại Nguyễn Hồng N yêu cầu bị cáo bồi thường 40 chỉ vàng, loại 24k đã chiếm đoạt và yêu cầu xử bị cáo mức án nặng.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn T là người đã có 01 tiền án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, T về địa phương sinh sống và tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối, dùng tên giả là Trần B, tự xưng mình có trình độ Thạc sĩ, Kỹ sư, Giám đốc Công ty Cổ phần thủy sản 3K Đà Nẵng, gia đình định cư ở nước ngoài, bản thân chưa có vợ, con, có nhiều nhà và xe ô tô du lịch ... và dùng những lời lẽ tình cảm, yêu thương, hứa hẹn kết hôn, làm đám cưới với các bị hại. Sau khi lấy được lòng tin thì T tiến hành lừa đảo chiếm đoạt tiền và tài sản của các bị hại bằng cách hỏi mượn tiền để kinh doanh, hùn vốn mua nhà, hỗ trợ kinh doanh, mua bán nhà đất....

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến ngày 09/3/2020, trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và tỉnh Cà Mau, Nguyễn Văn T đã 01 mình thực hiện trót lọt 09 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 04 bị hại, với tổng số tiền là 856.320.000 đồng *(Tám trăm năm mươi sáu triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng)*. Cụ thể: 05 lần lừa đảo, chiếm đoạt được số tiền 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)* của bị hại Nguyễn Thị Ngọc V; 02 lần lừa đảo, chiếm đoạt được số tiền 83.000.000 đồng *(Tám mươi ba triệu đồng)* của bị hại Trương Kim B; 01 lần lừa đảo chiếm đoạt được 40 chỉ vàng, loại vàng 24K, trị giá qua giám định là 173.320.000 đồng *(Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng)* của bị hại Nguyễn Hồng N; 01 lần, lừa đảo chiếm đoạt được số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* của bị hại Phan Thị C. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo sử dụng những thủ đoạn rất tinh vi để tạo lòng tin của các bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản một cách trót lọt. Bị cáo đã từng có 01 tiền án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sau khi ra tù không biết ăn năn hối hận, cải tạo bản thân thành công dân tốt có ích cho xã hội mà lại tiếp tục sa vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ táo bạo, xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Hậu quả do bị cáo gây ra rất lớn, đã gây thiệt hại kinh tế cho những người bị hại và tác động xấu đến cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của họ, còn làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài và nhiều lần nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo T có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội cho nên trường hợp của bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo và ra đầu thú tại Công an thành phố RG nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo. Vợ của bị cáo T là Tống Thị Tuyết P đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại V số tiền 10.000.000 đồng. Đây là số tiền rất ít so với số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại nên không đủ điều kiện áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về quan điểm của người bào chữa cho bị cáo:

Hội đồng xét xử chấp nhận lời bào chữa của luật sư về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo và ra đầu thú cho bị cáo. Không đồng ý đề nghị xử bị cáo mức án thấp nhất mà vị đại diện viện kiểm sát đề nghị 13 năm tù vì bị cáo có hai tình tiết tăng nặng hình phạt, các bị hại yêu cầu xử bị cáo mức án cao.

[6] Quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát:

Về tình tiết định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức án mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về các vấn đề khác:

*Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, những người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Cụ thể:

- Bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc V tổng số tiền 490.000.000 đồng *(Bốn trăm chín mươi triệu đồng).*

- Bồi thường cho bị hại Nguyễn Hồng N và Huỳnh T.Đ 40 chỉ vàng 24k.

- Bồi thường cho bị hại Trương Kim B số tiền 83.000.000 đồng *(Tám mươi ba triệu đồng).*

- Bồi thường cho bị hại Phan Thị C số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng).*

*Về vật chứng: Vật chứng vụ án đã thu giữ là hai chiếc điện thoại bị cáo T dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

*Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường là **36.000.000 đồng** + 3% của phần giá trị tài sản vượt quá 800.000.000 đồng là **1.689.600 đồng** = Tổng cộng **37.689.600 đồng.**

* Đối với chị Nguyễn Thị L do không biết bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác và bị T lừa dối nên chị L đã nhận là chủ bán nhà để T lợi dụng vào việc phạm tội nên không truy cứu; chị Tống Thị Tuyết P tuy biết T dùng tên giả, chức danh, chức vụ giả nhưng chị P không biết T sử dụng vào việc phạm tội và chị P cũng không tham gia vào việc phạm tội nên không truy cứu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn T (Trần B)** phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T (Trần B) 15 (Mười lăm) năm tù.** Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày 11/3/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho các người bị hại cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc V tổng số tiền 490.000.000 đồng *(Bốn trăm chín mươi triệu đồng).*

- Bồi thường cho bị hại Nguyễn Hồng N và Huỳnh T.Đ 40 chỉ vàng 24k

- Bồi thường cho bị hại Trương Kim B số tiền 83.000.000 đồng *(Tám mươi ba triệu đồng).*

- Bồi thường cho bị hại Phan Thị C số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng).*

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước hai điện thoại di động theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 29/QĐ-VKSKG – P2 ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu **200.000 đồng** án phí hình sự sơ thẩm và **37.689.600 đồng** án phí dân sự có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo:

Báo cho bị cáo, các bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng trường hợp vắng mặt có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Cấp cao tại tp. HCM;
- TAND Cấp cao tại tp.HCM;
- VKSND tỉnh KG;
- Sở Tư pháp tỉnh KG;
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG;
- THA tỉnh KG;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trương Ngọc Hồng